

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM

TS NGUYỄN THỊ NGÂN*

Việt Nam là một trong những nước đặt vấn đề bình đẳng nam nữ từ rất sớm và sự nghiệp giải phóng phụ nữ gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giai cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phụ nữ Việt Nam đã tham gia, đóng góp sức lực, trí tuệ vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; địa vị của phụ nữ Việt Nam đã có sự thay đổi đáng kể. Tuy nhiên, vấn đề giới được nghiên cứu như một khoa học độc lập ở Việt Nam mới chỉ được bắt đầu từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX. Nâng cao nhận thức giới và thực hiện quyền bình đẳng giới đang là một đòi hỏi cấp thiết trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập, hợp tác quốc tế hiện nay.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo đạo cách mạng, vấn đề giải phóng phụ nữ được đặt ra gắn với vấn đề giải phóng dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, chế độ thực dân, phong kiến đã đẩy người dân lao động và nhất là người phụ nữ vào cảnh đói rét lầm than. Con đường giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, xoá bỏ áp bức bất công, nghèo đói, lạc hậu chính là con đường duy nhất đúng đắn để giải phóng phụ nữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Nói đến phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải

phóng một nửa xã hội loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”¹. Do vậy, giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình quyền là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng Việt Nam.

Khẳng định phụ nữ là một lực lượng xã hội to lớn, phụ nữ có vai trò vô cùng quan trọng trong sản xuất lao động sáng tạo, trong đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Nhận thức rõ vai trò, vị thế của giới nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra nhiều chỉ thị, nghị quyết về công tác vận động phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực công tác xã hội, bổ sung nguồn cán bộ cho Đảng, Nhà nước.

Chỉ thị 44/TW, ngày 7-6-1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã khẳng định vai trò và những đóng góp to lớn của phụ nữ trong ba cuộc cách mạng.

Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 12-4-1993 của Bộ Chính trị về “Đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới”; Chỉ thị số 37/CT-TW của

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Ban Bí thư về “Công tác cán bộ trong tình hình mới” thể hiện rõ quan điểm của Đảng về vấn đề giải phóng phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới trong đó nêu rõ một số vấn đề cơ bản về phụ nữ và giải phóng phụ nữ:

- Phụ nữ vừa là người lao động, người công dân, vừa là người mẹ, người thầy đầu tiên của con người, cũng tức là người đặt dấu ấn nền tảng tạo nhân cách, tâm hồn, tư duy cho thế hệ mai sau.

- Mục tiêu giải phóng phụ nữ hiện nay là thiết thực cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho phụ nữ, nâng cao vị thế cho phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khoẻ, kiến thức, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng.

- Sự nghiệp giải phóng phụ nữ và công tác nữ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, của toàn xã hội và từng gia đình. Đường lối giải phóng phụ nữ phải được thể chế hoá và cụ thể hoá trong hệ thống pháp luật, chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Các văn kiện đại hội Đảng từ Đại hội VI đến Đại hội X đều đề cập tới việc thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn, có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo quản lý ở các cấp, các ngành, bảo vệ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt thiên chức người mẹ, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc...

Nhà nước Việt Nam khẳng định trong Hiến pháp và nhiều văn bản pháp luật như: *Luật Hôn nhân và gia đình*, *Luật Lao động*, *Luật Đất đai*, *Luật Bảo vệ sức khỏe* các văn bản dưới luật thể chế hóa chủ trương, quan điểm bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, quyết tâm thực hiện bình đẳng giới. Các quy định liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới trong pháp luật Việt Nam bao gồm nhiều nội dung cụ thể: Các quy định về bình

đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, trong đó đề cập tới vấn đề sở hữu, vấn đề lợi ích kinh tế, quyền tham gia các hoạt động kinh tế, nghĩa vụ đối với Nhà nước, hưởng phúc lợi xã hội từ hoạt động kinh tế; chính sách đối với lao động nữ, trong đó đề cập tới vấn đề việc làm và đào tạo; bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, trong lĩnh vực chính trị.

Luật Bình đẳng giới đã được Quốc hội thông qua ngày 29-11-2006 và có hiệu lực từ ngày 1-7-2007. Đây là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên của Nhà nước ta quy định về những nội dung bình đẳng giới một cách toàn diện. Sự ra đời của *Luật Bình đẳng giới* thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện bình đẳng giới, 1 trong 8 *Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ*. Với 6 chương, 44 điều, *Luật Bình đẳng giới* đã thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ, đồng thời nội luật hoá tinh thần của Công ước CEDAW về xoá bỏ mọi hình thức về phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Luật Bình đẳng giới gồm 6 chương

Chương 1: Những quy định chung (được thể hiện trong 10 điều). Chương 2: Bình đẳng giới trong các lĩnh vực đời sống xã hội và gia đình. Chương 3: Các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới. Chương 4: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong việc thực hiện và đảm bảo bình đẳng giới. Chương 5: Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Chương 6: Điều khoản thi hành.

Đây là nền tảng quan trọng cho việc thực thi luật pháp và chính sách về bình đẳng giới trên thực tế.

Trước đây, việc nghiên cứu những vấn đề phụ nữ thường tách rời cái chung của hai giới. Do đó các biện pháp đề ra để giải quyết các tồn tại chưa mang tính hiệu quả cao. Các kế hoạch, chương trình của phụ nữ chưa gắn với các chương trình kinh tế-xã hội chung của cả nước, ít được đầu tư tài chính và nhân lực. Bởi vậy, phụ nữ chỉ được nhìn nhận là đối tượng thiệt thòi chứ chưa được nhìn nhận là *một nguồn lực*.

Hiện nay, cách tiếp cận giới đặt trong mối quan hệ giữa hai giới, thực trạng của từng giới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: lao động và hưởng thụ, quyền lợi và nghĩa vụ; so sánh vai trò, vị thế của phụ nữ và nam giới trong gia đình, ngoài xã hội; cơ hội của phụ nữ và nam giới trong tiếp cận các nguồn lực; những thiệt thòi, hạn chế của phụ nữ bắt nguồn từ những nguyên nhân nào; khoảng cách giới và phương hướng khắc phục.

Quan điểm tiếp cận giới dựa trên sự phân tích khách quan, khoa học thực trạng của cả nam và nữ. Từ đó đòi hỏi có những kế hoạch hành động và giải pháp hữu hiệu trong các chương trình kinh tế-xã hội để thiết lập sự bình đẳng về giới. Phát huy được nguồn lực lao động sáng tạo của cả nam và nữ vào sự phát triển chung, đảm bảo sự phát triển của cá nhân, gia đình và sự phát triển của đất nước.

Bình đẳng giới thể hiện sự đối xử công bằng của xã hội đối với nam và nữ, trong mọi hoàn cảnh nữ và nam phải có vị thế như nhau, có cơ hội như nhau để phát huy năng lực của mình vì sự tiến bộ xã hội, sự phát triển bền vững.

Bình đẳng giới mang ý nghĩa xã hội to lớn, và nó trở thành mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Tại cuộc họp thượng đỉnh Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc được tổ chức vào năm 2000, các nhà lãnh đạo Việt Nam và 188 quốc gia khác trên thế giới đã cam kết: việc thúc đẩy bình đẳng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ là một trong 8 mục tiêu phát triển của thiên niên kỷ. Bình đẳng giới không chỉ được thể hiện trên cơ sở pháp lý mà quan trọng hơn nó phải được thể hiện trên thực tế. Nội dung bình đẳng giới bao gồm: Bình đẳng trên lĩnh vực chính trị với tư cách nam và nữ là những công dân và cơ hội tham gia vào các cơ quan lãnh đạo, quản lý. Bình đẳng trên lĩnh vực kinh tế: sản xuất, kinh doanh, việc làm, trả công lao động và hưởng thụ thành quả lao động. Bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo, chăm sóc sức khỏe, y tế, phúc lợi xã hội. Bình

đẳng giới phải được thể chế hoá thành các văn bản, quy định,...

Hiện nay, trên thế giới, phụ nữ vẫn còn chịu nhiều thiệt thòi. Tình trạng này diễn ra ở các mức độ khác nhau giữa các quốc gia và các khu vực trên thế giới, bởi nó mang dấu ấn khác nhau của các yếu tố lịch sử, văn hoá, xã hội.

Mục tiêu bình đẳng giới không thể đạt được nếu chỉ thông qua hoạt động đơn lẻ của một vài cơ quan, bộ phận như Hội Liên hiệp phụ nữ, Ban Nữ công hay Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ. Để đạt được mục tiêu đó, cần có sự chỉ đạo mạnh mẽ, quyết tâm cao và hành động cụ thể của tất cả các cơ quan nhà nước, các ngành, các cấp. Hướng tới bình đẳng giới cần có sự lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách.

Mục đích là làm cho chính sách góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng nam nữ một cách bền vững. Quá trình này đòi hỏi nhiều nỗ lực, bởi đó là quá trình đổi mới tư duy cách tiến hành giải quyết các mối quan hệ xã hội, phương pháp làm việc cũng như cách nhìn nhận đối xử với nam giới, phụ nữ, trẻ trai, trẻ gái.

Lồng ghép giới gắn với trách nhiệm giới và phải đảm bảo một số yêu cầu cơ bản: Các nhà lãnh đạo, quản lý hiểu rõ tầm quan trọng của bình đẳng giới với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Thực hiện cam kết mạnh mẽ nhằm đạt mục tiêu bình đẳng giới trong phạm vi công việc của tổ chức. Có mong muốn và dám chịu trách nhiệm về những thành công cũng như chưa thành công của hoạt động bình đẳng giới. Đưa vấn đề bình đẳng giới vào các chủ trương và các lĩnh vực hoạt động của tổ chức. Tăng cường biện pháp vì mục tiêu bình đẳng giới trong tổ chức, đơn vị. Đảm bảo phân bổ nguồn lực để đạt được các mục tiêu bình đẳng giới. Căn cứ vào chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia để xây dựng kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ...

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1996, T.9, tr. 523.